

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ H  
TỈNH Q

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 21./2023/HNGĐ - ST  
Ngày: 24 - 4 - 2023  
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH Q

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Trọng Hiệp.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Lê Như Toàn.
- Bà Trần Thị Kim Nhung.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Phương Nhi - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Q.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H tham gia phiên tòa:** Ông Trần Anh Linh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 4 năm 2023, tại Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Q xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 425/2022/TLST - HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2022 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2023/QĐXXST - DS ngày 22 tháng 3 năm 2023 và **Quyết định hoãn phiên tòa số 34/2023/QĐST - HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2023**, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị H1, sinh năm 1990.

2. **Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1984.

Cùng nơi thường trú: tổ 13, khu 3, phường T, thành phố H, tỉnh Q.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện đề ngày 14/7/2022, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H1 trình bày: chị H1 kết hôn với anh Nguyễn Văn D vào ngày 09/12/2008, có đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố H, tỉnh Q trên tinh thần hoàn toàn tự nguyện. Cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do chị và anh D không hòa hợp, bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung trong mọi phương diện cuộc sống. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng dẫn đến việc giữa chị và anh D thường xuyên xảy ra cãi vã, làm ảnh hưởng tới tâm sinh lý của các con. Dù đã được hai bên gia đình, tổ dân khu phố khuyên can, hòa giải nhưng vì vợ chồng không còn tình cảm với nhau nữa nên từ năm

2022, chị H1 và anh D đã sống ly thân, không ai quan tâm đến cuộc sống của ai. Chị H1 xác định mâu thuẫn vợ chồng chị đã quá căng thẳng, trầm trọng không thể khắc phục được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh D.

Về con chung: chị và anh D có 02 con chung là Nguyễn Thị Huệ C, sinh ngày 09/12/2009 và Nguyễn Ngọc B, sinh ngày 18/10/2016. Khi ly hôn, chị H1 đề nghị chị là người có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung Nguyễn Ngọc B đến khi thành niên (đủ 18 tuổi); anh D là người có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung Nguyễn Thị Huệ C đến khi thành niên (đủ 18 tuổi), hai bên không có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung và nợ chung: chị H1 và anh D không có tài sản chung, không có nợ chung.

Tại bản tự khai ngày 22/11/2022, anh Nguyễn Văn D trình bày: anh và chị Nguyễn Thị H1 kết hôn vào ngày 09/12/2008 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn hợp pháp tại UBND phường T, thành phố H, tỉnh Q. Sau khi kết hôn, anh D và chị H1 chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 4/2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ việc giữa hai anh chị không hòa hợp, bất đồng quan điểm và hay xảy ra cãi vã. Vì vậy, anh, chị quyết định sống ly thân từ tháng 4/2022 đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống của ai. Nay, anh D nhận thấy tình cảm với chị H1 đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, anh D chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H1.

Về con chung: anh và chị H1 có 02 con chung là Nguyễn Thị Huệ C, sinh ngày 09/12/2009 và Nguyễn Ngọc B, sinh ngày 18/10/2016. Khi ly hôn, anh D đề nghị anh là người có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 02 con chung Huệ C và Ngọc B đến khi thành niên (đủ 18 tuổi); không yêu cầu chị H1 cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung, vay nợ chung: anh và chị H1 không có tài sản chung, không vay nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo cho anh D về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Anh D đã trực tiếp nhận được Thông báo nhưng cố tình vắng mặt không có lý do.

Biên bản xác minh ngày 22/02/2023 tại tổ dân khu phố nơi chị H1 và anh D chung sống thuộc tổ 13, khu 3, phường T, thành phố H, tỉnh Q được biết do anh D và chị H1 bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra cãi vã làm ảnh hưởng tới tâm sinh lý của con, hiện chị H1 và anh D đã sống ly thân.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tổ tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa

thực hiện đúng quy định của Bộ luật tổ tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại Điều 70 và Điều 71; Bị đơn không thực hiện đúng quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật tổ tụng dân sự. Căn cứ tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ các Điều 51, Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị H1. Đề nghị HĐXX cho chị Nguyễn Thị H1 được ly hôn anh Nguyễn Văn D; Giao con chung Nguyễn Ngọc B cho chị H1 trực tiếp nuôi dưỡng, anh D trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thị Huệ C; hai bên không có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con; tài sản, nợ chung không có nên không đề cập giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: chị Nguyễn Thị H1 yêu cầu xin ly hôn với anh Nguyễn Văn D hiện cư trú trên địa bàn thành phố H nên Tòa án nhân dân thành phố H thụ lý giải quyết với quan hệ pháp luật tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Văn D được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và triệu tập tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân thành phố H đã tiến hành các biện pháp xác minh, thu thập chứng cứ. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân thành phố H tham gia phiên tòa là đúng với quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị H1 và anh Nguyễn Văn D kết hôn năm 2008, có đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố H, tỉnh Q là hôn nhân hợp pháp. Cuộc sống chung vợ chồng bình thường đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do hai anh chị bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung dẫn đến việc thường xuyên xảy ra cãi vã. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình và đại diện tổ dân khu phố khuyên can, hòa giải nhưng không có kết quả. Từ tháng 4/2022 chị H1 và anh D sống ly thân, không dành tình cảm cho nhau. Lời khai của chị H1 về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn cơ bản phù hợp với kết quả thu thập chứng cứ về tình trạng hôn nhân giữa chị H1 và anh D tại nơi cư trú. Căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị H1 và anh D đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H1 đối với anh Nguyễn Văn D.

[3] Về con chung: chị Nguyễn Thị H1 và anh Nguyễn Văn D có hai con chung là Nguyễn Thị Huệ C, sinh ngày 09/12/2009 và Nguyễn Ngọc B, sinh

ngày 18/10/2016. Chị H1 có quan điểm chị là người được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Ngọc B, anh D là người được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thị Huệ C; hai bên không có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Anh D có quan điểm anh là người được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung Huệ C và Ngọc B; không yêu cầu chị H1 cấp dưỡng cho con. Con chung Nguyễn Thị Huệ C có nguyện vọng được ở với anh D. Do đó giao con chung Nguyễn Thị Huệ C cho anh D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi). Vì con chung Nguyễn Ngọc B còn nhỏ, cần sự chăm sóc, quan tâm của mẹ nên giao con chung Ngọc B cho chị H1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) là phù hợp, chị H1 và anh D không phải cấp dưỡng cho con.

[4] Về tài sản chung, vay nợ chung: không có.

[5] Về án phí: chị Nguyễn Thị H1 phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Nguyễn Thị H1.

1. Về hôn nhân: chị Nguyễn Thị H1 được ly hôn anh Nguyễn Văn D.

2. Về con chung: giao cháu Nguyễn Ngọc B, sinh ngày 18/10/2016 cho chị Nguyễn Thị H1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi); giao cháu Nguyễn Thị Huệ C, sinh ngày 09/12/2009 cho anh Nguyễn Văn D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi). Chị Nguyễn Thị H1 và anh Nguyễn Văn D không có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con nhưng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị H1 phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền trên chị H1 đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001102, ngày 01 tháng 11 năm 2022 của Cục thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Q. Chị Nguyễn Thị H1 đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo bản án: nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng

cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***

- Dương sự;
- Viện KSND thành phố H;
- C cục THA dân sự thành phố H;
- UBND phường T, thành phố

H, tỉnh Q;

- TAND tỉnh Q;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Trọng Hiệp**